**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**--------------------------------------**

**Lê Quang Dũng**

**THE RELATIONSHIP BETWEEN LANGUAGE LEARNING STRATEGIES AND THE ETHNICITY OF NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY FROM CULTURAL ANTHROPOLOGY PERSPECTIVES**

**(Mối quan hệ giữa chiến lược học tập và tính dân tộc của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Đại học Thái Nguyên nhìn từ góc độ văn hóa nhân học)**

Chuyên ngành: LL & PPDH Tiếng Anh

Mã số: 62 14 01 11

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI - 2016**

Công trình được hoàn thành tại: Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. Nguyễn Văn Trào**

**TS. Dương Thị Nụ**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà nội vào hồi ........ giờ ...... ngày...... tháng .......... năm ..........

**PHẦN I: GIỚI THIỆU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Chiến lược học tập (LLS) đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ thứ hai (L2). Đó là những hoạt động hay những kỹ thuật đặc biệt để trợ giúp người học phát triển những kỹ năng ngôn ngữ. Sử dụng các chiến lược một cách phù hợp sẽ giúp người học nắm được dạng thức, chức năng và các nét văn hóa cần thiết để hiểu ngôn ngữ thứ hai (Oxford, 1990).

Kết quả nghiên cứu trong vòng nhiều thập kỷ qua đã chỉ ra lý do tại sao một số người học thất bại trong khi những người khác đạt được thành công là do nhiều yếu tố; thái độ học tập, đặc điểm cá nhân, động cơ học tập, ngồn gốc văn hóa, khả năng tiếp nhận ngôn ngữ. Ngoài ra, chiến lược học tập, cách thức học tập, phương pháp giảng dạy của giáo viên, mục đích học tập của người học cũng đóng một vai trò vô cùng quan trọng góp phần làm nên thành công. Nói cách khác, các nhân tố cá nhân có thể ảnh hưởng đến chiến lược học tập của người học. Người học có thể dễ dàng đạt được thành công khi đã làm chủ được các chiến lược học tập. Nhiều học giả như (Reid, 1995; Wharton, 2000; Zhang, 2005; Rahimi and Riazi, 2005; Yang, 2010, Minh, 2012; Zeynali, 2012; và Salahshour và Sharifi, 2013) cho rằng chiến lược học tập của những người học thành công có thể xem như nền tảng cơ bản để làm nên một người học ngôn ngữ tốt.

Từ kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh trong suốt hơn 17 năm tại Đại học Thái Nguyên, tôi nhận thấy một thực tế rằng sinh viên, đặc biệt là sinh viên người dân tộc thiểu số thường gặp khó khăn trong việc áp dụng các chiến lược học tập và vào việc ọc tập của mình. Hơn nữa tôi thấy rằng với mỗi sinh viên có đặc điểm cá nhân khác nhau có cách học khác nhau và đạt được những năng lực ngôn ngữ khác nhau. Thực tế cho thấy họ không lười biếng hay không có động lực, năng lực ngôn ngữ đạt được của họ bị ảnh hưởng bởi các nhân tố cá nhân và nền tảng văn hóa mà họ được thửa hưởng..

Đã có nhiều nghiên cứu về việc học ngôn ngữ thứ hai tập trung vào những khác biệt cá nhân của người học như Rubin (1975), trong đó bà quan sát chiến lược học tập của những người học thành công rồi dùng những chiến lược đó cho những người học ít thành công hơn. Theo bà, chiến lược học tập là yếu tố then chốt và rất quan trọng trong môi trường dạy và học ngoại ngữ. Griffiths (2004) khẳng định rằng chiến lược học tập là những hoạt động cụ thể mà người học dùng để đạt hiệu quả dễ dàng hơn, nhanh hơn và có nhiều khả năng sử dụng trong các tình huống mới. Griffiths đặc biệt quan tâm đến mối qua hệ giữa chiến lược học tập với giới tính của người học.

Xét về mối quan hệ giữa chiến lược học tập và giới tính, một số nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt giữa giới tính và việc sử dụng các chiến lược học tập có thể liệt kê ra các nghiên cứu của Ehraman & Oxford, 1989; Green & Oxford, 1995; Oxford & Nyikos, 1989; Zeynali, 2012; Salahshoura, Sharifib & Salahshour, 2013; Zarei, 2013, (Dreyer & Oxford, 1996; Ghasedy, 1998; Goh & Foong, 1997; Green & Oxford, 1995; Hong-Nam & Learvell, 2006; Lan & Oxford, 2003; Lee & Oh, 2001; Oxford, 1989; Oxford, Nyikos & Ehrman ,1988; Politzer,1983; Zeynali, 2012. Kết quả của những nghiên cứu đó chỉ ra rằng sinh viên nữ sử dụng các chiến lược học tập thường xuyên hơn sinh viên nam. Tuy nhiên, ở một số nghiên cứu khác, kết quả lại cho thấy yếu tố giới tính không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng chiến lược học tập (Griffiths, 2003; Lee & Oxford, 2008; Ziahossein & Salehi, 2008). Cũng trong lĩnh vực nghiên cứu về chiến lược học tập, nhiều nghiên cứu cho thấy các nhân tố cá nhân của người học bị chi phối bởi các yếu tố văn hóa, môi trường sống và tộc người (Markus & Kitayama, 1998; Eysenck & Eysenck, 1985; Budaev, 1999; Costa & McCare, 1992; Griffiths, 1991; Hess & Azuma, 1991; Reid, 1995).

Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng một khi người học được học theo cách thức ưa thich và có được động cơ và mục đích học tập rõ ràng, kết quả học tập của họ sẽ tốt hơn. Việt Nam có rất nhiều nhóm dân tộc thiểu số, tuy nhiên việc giảng dạy tiếng Anh được áp dụng chung cho tất cả các dân tộc.

Đại học Thái Nguyên nằm ở vùng miền núi và trung du phía bắc nơi có nhiều tộc người cùng chung sống, người dân tộc thiểu số chiếm 24%, một tỷ lệ cao nhất trên cả nước với các đắc điểm văn hóa khác nhau. Hiện nay Đại học Thái Nguyên có khoảng 90,000 sinh viên, trong đó 65,000 sinh viên bậc đại học (55,000 sinh viên chính quy và khoảng 10,000 sinh viên thuộc các hệ không chính quy). Hảng năm Đại học Thái Nguyên tiếp nhận sinh viên từ 16 tỉnh thành phía bắc Việt Nam.

Ở Việt Nam không có nhiều các nghiên cứu tìm hiểu về chiến lược học tập của sinh viên bậc đại học, càng không có những nghiên cứu về sự lựa chọn hay sử dụng chiến lược học tập bị ảnh hưởng bởi các yếu tố cá nhân từ đó có thể cung cấp thông tin cho giáo viên, các nhà nghiên cứu giáo dục trong việc giảng dạy cho nhóm đối tượng này.

Nghiên cứu này nhằm tìm mối quan hệ giữa chiến lược học tập và tính dân tộc của nhóm sinh viên người dân tộc thiểu số từ góc nhìn văn hóa nhân học dự trên các tiêu chí giới tính, ngành học, năng lực ngôn ngữ và phong cách học tập của mỗi cá nhân.

**2. Mục tiêu nghiên cứu.**

Nghiên cứu trong luận án này nhằm tìm ra các loại chiến lược, tần xuất sử dụng các chiến lược học tập và mối quan hệ giữa chiến luwocj học tập với tính dân tộc của sinh viên từ góc độ văn hóa nhân học. Nói cách khác, mục đích của nghiên cứu nhằm tìm hiểu tính dân tộc của sinh viên có ảnh hưởng đến việc sử dụng các chiến lược học tập hay không xét trên các yếu tố giới tính, năng lực ngôn ngữ, ngành học và phong cách học.

**3. Câu hỏi nghiên cứu**

Luận án nhằm trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên sử dụng các chiến lược học tập nào trong việc học tiếng Anh?
2. Những chiến lược học tập nào được sử dụng thường xuyên bởi sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên?
3. Việc lựa chọn các chiến lược học tập có thay đổi theo giới tính, ngành học, năng lực ngôn ngữ, phong cách học tập hay không? Nếu có thay đổi thì thay đổi như thế nào?

**4.** **Phạm vi nghiên cứu**

Nghiên cứu này được tiến hành với sinh viên năm thứ 2, những người đã tham gia học 6 tín chỉ môn tiếng Anh tổng quát tại các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên. Đối tượng nghiên cứu bao gồm sinh viên thuộc các nhóm dân tộc thiểu số đang theo học chương trình đại học tại Đại học Thái Nguyên.

**5.** **Ý nghĩa của nghiên cứu**

Nghiên cứu tập trung tìm hiểu mối liên hệ giữa việc lựa chọn chiến lược học tập với các nhân tố; giới tính, ngành học, năng lực ngôn ngữ và phong cách học tập. Việc phân tích các chiến lược học tập được lựa chọn từ góc độ văn hóa nhân học sẽ cung cấp cho giáo viên tiếng Anh những thông tin hữu ích về chiến lược học tập của sinh viên, từ đó có những hoạt động phù hợp trong quá trình giảng dạy của giáo viên.

**6. Bố cục của nghiên cứu**

Nghiên cứu này bao gồm 3 phần: Phần I, Phần II và Phần III

Phần I – Giới thiệu – trình bày lý do nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, ý nghĩa của nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, và bố cục nghiên cứu.

Phần II – Phát triển luận án – bao gồm ba chương: Chương 1 – Cơ sở lý luận, Chương 2 - Phương pháp nghiên cứu, Chương 3 - Những phát hiện và thảo luận.

Phần III – Kết luận- Tóm tắt lại những việc đã thực hiện, rút ra kết luận từ những phát hiện chính, chỉ ra những hạn chế của nghiên cứu và gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo, đặc biệt những khuyến nghị về khả năng ứng dụng của việc sử dụng sách giáo khoa tiếng Anh.

**PHẦN II: PHÁT TRIỂN LUẬN ÁN**

**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN**

* 1. **Giới thiệu**

Mục đích của chương này nhằm thiết lập khung nghiên cứu cũng như tìm hiểu các nghiên cứu trước đây về lĩnh vực chiến lược học tập.

Đã có nhiều nghiên cứu nhằm tìm ra nhân tố nào làm nên một người học tốt, họ sử dụng những chiến lược học tập nào để hiểu, để tái tạo thông tin, những nhân tố nào ảnh hưởng đến sự lựa chọn các chiến lược học tập khác nhau. Trong số đó phải kể đến Stern (1975); Rubin (1975); Naiman, Fröhlich, Stern and Todesco (1978); Ramirez (1986); Chamot and Küpper (1989); O’Malley and Chamot (1990); Oxford and Cohen (1992); and Griffiths (2008).

Nhiều công trình nghiên cứu đã được tiến hành nhằm tìm hiểu các loại chiến lược học tập, bản chất, cũng như tính hiệu quả của các khóa đào tạo chiến lược học tập. Tuy nhiên theo Phakiti (2003, p7) “Cho đến nay có rất ít bằng chứng chỉ ra sự liên quan giữa chiến lược học tập với việc sử dụng chiến lược trong thực tế”. Rees-Millers (1993, p11) “Cho đến khi có những khảo nghiệm thực tế cụ thể từ những nghiên cứu thực nghiệm cụ thể về tính hữu dụng của việc đào tạo chiến lược học tập, giáo viên mới ứng dụng trên lớp”. Vì vậy cần có nhiều hơn những nghiên cứu trong lĩnh vực chiến lược học tập của sinh viên học ngoại ngữ, để giúp người học lĩnh hội ngôn ngữ đích dễ dàng hơn, đặc biệt ở các khu vực miền núi.

* 1. **Định nghĩa về chiến lược học tập.**

Mỗi nhà nghiên cứu có cách hiểu khác nhau về chiến lược học tập ví dụ như “kỹ thuật, thủ thuật, hay kỹ năng”. Những định nghĩa này đôi khi trùng lặp hoặc mâu thuẫn với nhau. Oxford (1989) định nghĩa chiến lược học tập như nhóm hành vi hoặc hoạt động. Điều đó có nghĩa chiến lược học tập có thể quan sát được, trong khi Weinstein và Mayer (1986) cho rằng chiến lược học tập vừa là hành vi vừa là tư duy, có nghĩa là không thể quan sát được. Bản chất của chiến lược học tập vẫn là điều tranh cãi đối với nhiều học giả. Stern (1983, trích dẫn của Ellis, 1994 tr531) miêu tả bản chất của chiến lược học tập là rất chung và tổng quát, nó là cách thức được người học sử dụng, thuật ngữ đó được hiểu là hành vi học tập có thể quan sát được, trong khi Wenden (1987) cho rằng chiến lược học tập không phải là đường hướng chung của người học, ông cho rằng đó là những kỹ thuật hoặc hành động cụ thể.

Tựu chung lại các nhà nghiên cứu xác định chiến lược học tập là các kỹ thuật được người học sử dụng để thụ đắc kiến thức, dành được thành công và hứng thú khi học ngoại ngữ. Chúng bao gồm việc tự kiểm soát nhận thức hoặc cảm xúc. Trong khi các định nghĩa còn chưa thống nhất và thiếu tính minh bạch, Macaro (2006) trong một nghiên cứu của mình đã nói rằng “ngay cả khi các chiến lược nhận thức như tìm kiếm ý nghĩa, diễn dịch, suy đoán, kiểm soát được định nghĩa quá chung chung hoặc quá rõ thì tư duy tổng quát cũng nên được dạy cho sinh viên. Ông cho rằng những định nghĩa lỏng lẻo về chiến lược học tập gây ra nhiều tranh cãi. Tuy nhiên mỗi nhà nghiên cứu khi đưa ra định nghĩa về chiến lược học tập đều dừa trên những nghiên cứu cụ thể đối với những đối tượng cụ thể mà nghiên cứu đó được tiến hành.

Trong khuôn khổ luận án này, chúng tôi đồng ý với nhận định của Liang (2009) rằng chiến lược học tập có một số đặc điểm sau;

* Chiến lược học tập có thể là các hành vi có thể quan sát được hoặc tư duy không thể quan sát được.
* Chiến lược học tập có thể đường hướng chung hoặc những kỹ thuật cụ thể được dùng để học ngôn ngữ đích.
* Người học cần lưu ý các đường hướng hoặc thủ thuật khi học ngôn ngữ cho dù có những hoạt động vô thức trong từng tình huống.
  1. **Phân loại các chiến lược học tập.**

Oxford (1990) đã miêu tả chiến lược học tập như những bước cụ thể, tự định hướng của người học nhằm nâng cao hiệu quả của việc học. Bà chia các chiến lược học tập thành hai hướng và sáu nhóm: (1) Nhóm chiến lược trực tiếp bao gồm (a) chiến lược ghi nhớ, (b) chiến lược nhận thức, (c) chiến lược đối phó sự thiếu hụt về ngôn ngữ và (2) nhóm chiến lược gián tiếp, bao gồm; (a) chiến lược siêu nhận thức, (b) chiến lược cảm xúc, (c) chiến lược giao tiếp xã hội. Có các cách phân loại chiến lược học tập khác, Wong – Fillmore, 1979; Rubin 1981; Skehan 1989; Ellis 1997). Chamot (1990) phân chia thành ba lớp chiến lược; (a) chiến lược siêu nhận thức, (b) chiến lược nhận thức và (c) chiến lược cảm xúc xã hội.

Cho dù bảng phân loại của Oxford được xem như hoàn thiện nhất, tuy nhiên theo Ellis (1984) vẫn cần có sự tuyển lựa kỹ càng.

Như đã trình bày ở trên, việc phân loại các chiến lược học tập có thể còn chùng lặp hoặc mâu thuẫn với nhau, nghiên cứu này chỉ tập trung vào tìm hiểu mối liên hệ giữa chiến lược học tập với tính dân tộc của sinh viên từ góc độ văn hóa nhân học.

* 1. **Chiến lược học tập và tính cá biệt của người học nhìn từ góc độ văn hóa nhân học.**

Nhân học được hiểu là “việc nghiên cứu con người, nguồn gốc, đặc điểm tự nhiên, niềm tin tôn giáo, các mối quan hệ xã hội” (Treuer, 2009, tr 2). Treuer chia nhân học thành bốn lĩnh vực; sinh học, tự nhiên, ngôn ngữ và văn hóa. Mỗi lĩnh vực tìm hiểu một khía cạnh khác nhau về sự tồn tại của con người và phân tích nó với các công cụ mà nó gắn với. Đối với văn hóa nhân học, được xem như lĩnh vực gần gũi nhất đối với người học ngôn ngữ, các tộc người khác nhau sinh sống ở các vùng miền khác nhau có những đặc chưng văn hóa khác nhau.

Theo Bonvillain (2012) việc nghiên cứu về văn hóa nhân học nhằm khuyến khích người học nhìn ra những gì đang diễn ra trên thế giới và giúp họ hiểu được điều đó ảnh hưởng đến văn hóa như thế nào. Bà đã chỉ ra việc sinh viên Nhật Bản hướng tới tính chính xác chuẩn mực và tư duy độc lập, trong khi những sinh viên Mỹ gốc Tây Ban Nha dựa vào tính suy đoán và làm việc theo nhóm.

Người học có sự khác biệt lớn trong cách tiếp cận, rất nhiều yếu tố tác động đến quá trình sử lý thông tin vì vậy tính cá thể được xem như rất quan trọng. Selinker (1972, tr 213) cho rằng “lý thuyết về việc học ngôn ngữ thứ hai không có điểm chung cho các cá nhân”

Từ góc nhìn văn hóa nhân học, chúng ta nhìn nhận việc sử dụng các chiến lược học tập liên quan đến các nhân tố cá nhân. Ở phần sau của nghiên cứu này chúng tôi tập chung vào các yếu tố giới tính, mức độ thành thạo tiếng Anh, ngành học và cách thức học tập của sinh viên.

* + 1. **Chiến lược học tập và giới tính**

Mặc dù đã có một số nghiên cứu tìm hiểu về mối quan hệ giữa chiến lược học tập với giới tính (e.g., Bacon 1992; Boyle, 1987; Burstall, 1975; Eisenstein, 1982; Farhady, 1982; Nyikos, 1990; Sunderland, 1998; Zeylani, 2012; Tam, 2013; Zarei, 2013 and Mashadi & Fallah, 2014), tuy nhiên các nghiên cứu này chưa thực sự sâu sắc. Tran (1988) phát hiện ra rằng hầu hết các nghiên cứu trong lĩnh vực này tập trung vào nữ giới. Sauk hi tiến hành nghiên cứu chiến lược học tập của hơn 1200 sinh viên bậc đại học Oxford và Nyikos (1989, tr. 296) kết luận rằng sự khác biệt về giới có ảnh hưởng lớn: nữ giới sử dụng các chiến lược học tập thường xuyên hơn nam giới.

Dựa vào những nghiên cứu trước đây, có thể kết luận rằng nam giới và nữ giới có thể sử dụng cac chiến lược học tập khác nhau với mức độ thường xuyên khác nhau. Trong nghiên cứu này chúng tôi muốn tìm hiểu xem liệu giới tính của sinh viên người dân tộc thiểu số có ảnh hưởng đến việc sử dụng các chiến lược học tập hay không.

* + 1. **Chiến lược học tập và năng lực tiếng Anh.**

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng, người học có năng lực ngôn ngữ cao có xu hướng sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn những người có năng lực ngôn ngữ thấp hơn (Green and Oxford 1995; Ghadessy 1998; Intaraprasert 2004; Su 2005; Khalil 2005; Teng 2006; Chang *et al* 2007; Wu 2008; & Anugkakul 2011). Thay vì phân laoij năng lực cao hay thấp, một số nhà nghiên cứu sử dụng thuật ngữ “thành công và không thành công hay tốt hoặc kém”.

Gần đây Kunasaraphan (2015) tiến hành một nghiên cứu nhằm tìm ra các chiến lược học tiếng Anh của sinh viên tại khoa Quốc tế trường đại học Suan Sunandha, bao gồm sáu nhóm chiến lược trực tiếp và gián tiếp. Nghiên cứu của ông nhằm tìm ra sự khác nhau trong việc sử dụng sáu nhóm chiến lược học tập trực tiếp và gián tiếp với các mức độ năng lực tiếng Anh khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy các chiến lược học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất bao gồm cả trực tiếp và gián tiếp khác nhau với các sinh viên có năng lực ngôn ngữ khác nhau.

Trong nghiên cứu này chúng tôi mong muốn tìm hiểu mối liên hệ giữa việc sử dụng các chiến lược học tập và năng lực tiếng Anh của sinh viên dựa trên kết quả học tập cuối kỳ của họ.

* + 1. **Chiến lược học tập và ngành học.**

Cho đến nay chưa có nhiều nghiên cứu về sự liên quan giữa chiến lược học tập với ngành học trừ một số công trình của Peacock and Ho (2003); Intaraprasert (2003, 2004); Zhang (2005); Alireza and Abdullah (2010); và Minh (2012).

Gần đây, Minh (2012) tiến hành một nghiên cứu nhằm tìm hiểu và miêu tả các loại hình chiến lược học tập mà sinh viên các ngành khoa học ở các trường đại học tại Viêt Nan sử dụng. Nghiên cứu được tiến hành vói 645 sinh viên ở 6 trường đại học phía bắc Việt Nam. Sinh viên các ngành khoa học sử dụng các chiến lược học tập ở mức độ trung bình. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tần xuất sử dụng các chiến lược học tập khác nhau đáng kể giữa các ngành học. Sinh viên khối nhành kỹ thuật và công nghệ sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn sinh viên khối ngành khoa học y tế.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn tìm hiểu xem có sự khác nhau về việc sử dụng chiến lược của sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc các ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên hay không.

* + 1. **Chiến lược học tập và phong cách học tập.**

Khái niệm “phong cách học tập” được hiểu là “ xu hướng nhận thức, cảm xúc”, một biểu hiện ổn định về việc người học cảm nhận, tương tác và phản hồi đối với môi trường học tập (Keefe 1982, tr 44). Hơn nữa phong cách học tập thuộc đường hướng chung như tổng hợp hay phân tích, thính giác hay thị giác mà sinh viên sử dụng trong việc tiếp thu ngữ liệu hay học tập. Những phong cách này là đường hướng chung tạo ra hướng tiếp cận hành vi học tập (Cornett, 1983, tr 9). Claxton và Murrell (1987) phân tách phong cách học tập theo bốn cấp độ: cá nhân, xử lý thông tin, giao tiếp xã hội và phương thức chỉ dẫn.

Mặc dù phong cách học tập không được tách bạch, nói chung phong cách học tập thể hiện ở cách thức tiếp thu thông tin. Ví dụ một người có thể hướng ngoại hoặc hướng nội, có xu hướng học thông qua thị giác hoặc thông qua thính giác, học thông qua vận động …

Guild (1994) cho rằng người học từ những nền văn hóa khác nhau, thậm trí các cá nhân trong cùng một nền văn hóa có những phong cách học khác nhau. Do có sự khác nhau về cách thức học tập giữa các cá nhân nên cách thức giảng dạy cũng cần thay đổi cho phù hợp. Một số giáo viên có cách giảng dạy thuyết trình, số khác tập trung vào việc rút ra các quy tắc, số khác ưa thích phương pháp minh họa hoặc ghi nhớ. Sự bất cập giữa cách thức học tập của cá nhân với cách giảng dạy của giáo viên có thể dẫn đến sự thất bại của người học.

* 1. **Các nghiên cứu về chiến lược học tập ở Việt Nam**

Các nghiên cứu trong lĩnh vực chiến lược học tập ở Việt Nam hầu hết tập chung tìm hiểu việc sử dụng chiến lược học tập mà sinh viên sử dụng để đạt được thành công trong việc học của mình (Huyền 2004 và Hiền, 2007), một số nghiên cứu khác tìm hiểu mối quan hệ giữa lứa tuổi, giới tính, năng lực ngôn ngữ với việc lựa chọn chiến lược học tập (Khương, 1997; Hoàng 2008; Nhân và Lai, 2013). Hầu hết các nghiên cứu được tiến hành với sinh viên chuyên tiếng Anh. Chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về chiến lược học tập của sinh viên không chuyên ngữ là người dân tộc thiểu số.

**CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp**

Trong luận án này tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, sử dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả thu được từ phần nghiên cứu định lượng sẽ trả lời câu hỏi nghiên cứu 1-3, trong khi kết quả từ phần nghiên cứu định lượng sẽ cung cấp một cái nhìn sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa chiến lược học tập và tính dân tộc của sinh viên từ góc độ văn hóa nhân học.

**2.2. Thiết kế nghiên cứu của luận án.**

Trong luận án này, bước 1, tác giả tập trung tìm hiểu mối quan hệ giữa chiến lược học tập với tính dân tộc của sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên từ góc độ văn hóa nhân học (mục đích miêu tả), bước 2 tìm hiểu mối quan hệ giữa tính dân tộc với chiến lược học tập với các biến số của người học (mục đích diễn giải). Phần định lượng bao gồm hai bảng câu hỏi điều tra, phần định lượng là phỏng vấn bán cấu trúc.

**2.3. Đối tượng nghiên cứu**

Trong giai đoạn 1của nghiên cứu, 527 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên từ 4000 sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên. Tất cả các sinh viên này đều nói tiếng Việt. Các sinh viên này được yêu cầu trả lời các câu hỏi trong bảng câu hỏi điều tra về chiến lược học tập (LLSQ) và bảng câu hỏi về cách thức học tập được ưa thích (PLPQ). Hầu hết sinh viên có tuổi đời từ 18-35, đến từ các cộng đồng dân tộc khác nhau, giới tính khác nhau, thuộc các ngành học khác nhau, có năng lực ngôn ngữ khác nhau và cách thức học tập khác nhau.

Trong giai đoạn 2 của nghiên cứu, mười sinh viên được lựa chọn có chủ đích để tham gia phỏng vấn. Phần phỏng vấn được thực hiện sau khi các bảng câu hỏi điều tra đã hoàn tất. Đối tượng tham gia phỏng vấn có đầy đủ tính đại diện về tộc người, giới tính, ngành học, năng lực tiếng Anh và phong cách học tập. mặc dù tất cả các đối tượng nghiên cứu đều đã học tiếng Anh từ 3 đến 6 năm ở bậc phổ thông, tuy nhiên năng lực tiếng Anh của họ còn ở mức thấp theo như kết quả kỳ thi cuối học kỳ 1 của họ.

**2.4. Dữ liệu thu thập được từ hai bảng câu hỏi điều tra.**

Tác giả đã liên hệ với phòng Đào tạo và phòng Quản lý sinh viên của trường Đại học Khoa học (TNUS), Đại học Nông Lâm (TUAF), Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông (ICTU), Đại học Sư phạm (TNUE) giải thích về mục đích của nghiên cứu. Sauk hi được sự đồng ý của các trường trên, tác giả tiến hành phát phiếu điều tra, hướng dẫn cách trả lời các câu hỏi trong hai bản câu hỏi điều tra. Sinh viên tham gia trả lời câu hỏi là hoàn toàn tự nguyện. Tác giả phát ra 600 phiếu điều tra bằng tiếng Việt và thu về được 527 phiếu sau đó tiến hành phân tích kết quả.

**2.5. Dữ liệu thu thập được thông qua phỏng vấn bán cấu trúc.**

Các bài phỏng vấn được tiến hành sau khi phân tích kết quả điều tra từ hai bảng câu hỏi trước đó. Cũng với các thủ tục như phần câu hỏi điều tra, sau khi sinh viên đồng ý tham gia phỏng vấn, tác giả tiến hành phỏng vấn lần lượt từng sinh viên.

Trong quá trình phỏng vấn, tác giả sử dụng phương pháp của Bryman và Teevan (2005). Đầu tiên, tác giả sắp xếp các câu hỏi theo thứ tự để chắc chắn rằng chúng có logic chặt chẽ, thứ hai ngôn ngữ phỏng vấn dễ hiểu đối với người được phỏng vấn, thứ 3 các thông tin được ghi lại từ thông tin chung đến các thông tin cụ thể để giúp cho quá trình diễn giải sau này.

Các cuộc phỏng vấn bao gồm 3 câu hỏi chính liên quan đến các chiến lược chính mà người học sử dụng, những khó khăn trong việc học, và những yếu tố ảnh hưởng đến việc học. Mục đích của việc phỏng vấn nhằm thăm dò sâu việc sử dụng chiến lược học tập của sinh viên và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến việc sử dụng các chiến lược đó. Kết quả phỏng vấn sẽ làm rõ kết quả thu được từ phần nghiên cứu định lượng với những quan điểm cá nhân, tộc người, nền tảng văn hóa và phong cách học tập ưa thích. Ngoài việc đưa ra những câu trả lời trực tiếp cho các câu hỏi, người được phỏng vấn được khuyến khích đưa ra những ví dụ, quan điểm cá nhân về vấn đề đang được tìm hiểu, tất cả đều được ghi lại nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu sau này.

Các cuộc phỏng vấn đều được thực hiện bằng tiếng Việt, được ghi âm lại sau đó được dich ra tiếng Anh. Tác giả có tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp trong việc dịch từ tiếng Việt ra tiếng Anh. Các câu hỏi chính trong cuộc phỏng vấn bao gồm;

1. Chiến lược học tập nào bạn thấy có tác dụng nhất đối với bạn
2. (a) Khó khăn lớn nhất của bạn khi học tiếng Anh là gì?

(b) Bạn sử dụng chiến lược nào để vượt qua những khó khăn đó?

1. Bạn có cho rằng các chiến lược bạn sử dụng bị ảnh hưởng bởi
2. Nguồn gốc dân tộc của bạn?
3. Giới tính của bạn?
4. Tuổi tác của bạn?
5. Các nhân tố khác

Nếu có, những nhân tố này ảnh hưởng thế nào?

Để phục vụ mục đích nghiên cứu này, các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc được dùng để có được cái nhìn sâu sắc hơn về những chiến lược học tập đã sử dụng và có được những ý kiến cá nhân về sự ảnh hưởng của yếu tố văn hóa nhân học trong việc sử dụng các chiến lược học tập.

**2.6. Phân tích dữ liệu.**

Dữ liệu sau khi được thu thập sẽ được phân tích với sự trợ giúp của một số phần mềm như Microsoft Excel, SPSS và một số phần mềm khác.

Phương pháp thống kê mô tả được dùng để tìm hiểu tần xuất sử dụng chiến lược học tập và so sánh mức độ sử dụng thường xuyên hay không thường xuyên nói chung. Có ba mức độ sử dụng; mức độ sử dụng nhiều, mức độ sử dụng trung bình và mức độ sử dụng ít dựa trên điểm trung bình tổng thể. Trong nghiên cứu này, phương pháp này được sử dụng để trả lời câu hỏi nghiên cứu số 2.

Phương pháp phân tích phương sai (ANOVA) được dùng để kiểm tra sự khác biệt rõ nét trong số trung bình của hai hay nhiều nhóm biến số, để xem liệu rằng sự khác biệt đó có lớn hơn dự đoán hay không. Các biến độc lập thường là số, biến phụ thuộc thường là khoảng. Trong nghiên cứu này, phương pháp này được sử dụng để xác định mối quan hệ giữa những chiến lược học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số với các biến 1) giới tính (nam, nữ), 2) ngành học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội), 3) năng lực ngôn ngữ (giỏi, trung bình, yếu), 4) phong cách học (thị giác, thính giác, xúc giác, vận động, học nhóm, học cá nhân).

Dữ liệu định tính được ghi chép, dịch và phân tích sử dụng bảng mã của Strauss and Corbin (1990). Quá trình mã hóa là quá trình phân nhóm sự giống nhau và khác nhau giữa những chiến lược học tập mà sinh viên sử dụng. mục đích để tạo ra những phạm trù đa chiều có tính miêu tả để tạo ra khung phân tích.

**CHƯƠNG 3: PHÁT HIỆN VÀ THẢO LUẬN**

**Phần A: Kết quả và thảo luận đối với hai bảng câu hỏi điều tra.**

* 1. **Câu hỏi nghiên cứu 1: Sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học**

**Thái Nguyên sử dụng những chiến lược học tập nào trong việc học tiếng Anh?**

Dựa trên các câu trả lời về việc sử dụng các chiến lược học tập trong bảng SILL, số liệu thống kê miêu tả trung bình và độ lệch chuẩn được tính toán. Kết quả thống kê được xếp từ cao xuống thấp, theo thứ tự dùng nhiều nhất đến ít nhất. Kết quả trung bình của việc sử dụng 50 chiến lược học tập trong bảng câu hỏi LLSQ dải từ 1.81 (nhận thức 7) đến 4.22 (ghi nhớ). Bảng hỏi này sử dụng thang đo Likert từ 1-5. Từ đó tác giả kết luận rằng sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên sử dụng tất cả các chiến lược ọc tập.

* 1. **Câu hỏi nghiên cứu 2: Những chiến lược học tập nào được sử dụng**

**thường xuyên bởi sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên?**

Theo bảng phân chia của Oxford (1990), điểm trung bình từ 3.5-5.0 được xem như mức độ sử dụng nhiều, từ 2.5-3.4 được xem như mức độ sử dụng trung bình, từ 1.0-2.4 được xem như mức độ sử dụng ít.

Tần xuất sử dụng các chiến lược học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên đạt mức 3.20. Điều này có nghĩa 527 sinh viên trong nghiên cứu này sử dụng các chiến lược ở mức trung bình khi học tiếng Anh.

Mức độ sử dụng 6 nhóm chiến lược cũng ở mức trung bình. Kết quả cũng chỉ ra rằng nhóm chiến lược siêu nhận thức được sử dụng thường xuyên hơn các nhóm còn lại, tiếp đến nhóm đối phó, giao tiếp xã hội, ghi nhớ, cảm xúc. Nhóm chiến lược nhận thức đứng cuối bảng. Trong những nghiên cứu khác về chiến lược học tập, kết quả cũng cho thấy nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm đối phó được sử dụng thường xuyên nhất, nhóm ghi nhớ được sử dụng ít thường xuyên nhất (Wharton, 2002; Yang,1994; Oh, 1992; and Green, 1991).

Kết quả phân tích phương sai lặp cũng chỉ ra rằng sự khác biệt giữa trung bình chung của các nhóm chiến lược là rõ nét (p<.00). Kết quả kiểm định thống kê (Bonferroni-corrected paired t-test) cũng chỉ ra rằng điểm trung bình cho nhóm chiến lược siêu nhận thức (3.42) cũng rõ ràng cao hơn những nhóm chiến lược khác. Tương tự, điểm trung bình của nhóm nhận thức thấp nhất (3.04) thực sự khác với những nhóm khác.

Ở Việt Nam, tiếng Anh được giảng dạy như một ngoại ngữ vì vậy người học ít có cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ, họ không có nhiều cơ hội nói chuyện bằng tiếng Anh. Điều nay giải thích cho việc nhóm chiến lược siêu nhận thức được dùng thường xuyên nhất. Hơn nữa, tại hầu hết các cơ sở đào tạo tiếng Anh, giáo viên trú trọng vào việc giải thích quy tắc ngôn ngữ hơn là mục đích giao tiếp.

Kết quả thu được từ bảng câu hỏi điều tra cũng chỉ 16 chiến lược được sinh viên người dân tộc thiểu số sử dụng thường xuyên nhất, trong đó 3 chiến lược thuộc nhóm ghi nhớ, 2 thuộc nhóm đối phó, 4 thuộc về nhóm nhận thức và siêu nhận thức, 2 thuộc nhóm cảm xúc, và 1 thộc nhóm giao tiếp xã hội.

Kết quả nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng nhóm chiến lược nhận thức được sử dụng ở mức trung bình, tuy nhiên khi xét từng chiến lược riêng biệt thì các chiến lược thuộc nhóm này lại được sử dụng ở mức độ cao. Điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu của O’Malley and Chamot (1990)

Nhóm chiến lược được sử dụng thường xuyên kế tiếp là nhóm ghi nhớ. Kết quả này đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Wharton (2000), and Oh (1992).

Tuy nhiên kết quả nghiên cứu này trái ngược với kết quả nghiên cứu của Wharton (2000) Chang (1991), Noguchi (1991), Bremner (1999), Wharton (2000), and Peacock and Ho (2003) trong đó nhóm chiến lược cảm xúc được cho là sử dụng ít nhất. Sự khác biệt này có lẽ do sự khác biệt về văn hóa của đối tượng nghiên cứu.

Nhóm chiến lược giao tiếp xã hội được sử dụng ở mức trung bình đói với sinh viên trong nghiên cứu này. Điều này có thể lý giải rằng sinh viên Đại học Thái Nguyên ít có cơ hội tiếp xúc với người bản ngữ.

* 1. **Câu hỏi nghiên cứu 3: Việc lựa chọn các chiến lược học tập có thay**

**đổi theo giới tính, ngành học, năng lực ngôn ngữ, phong cách học tập hay không? Nếu có thay đổi thì thay đổi như thế nào?**

* + 1. **Mối quan hệ giữa việc lựa chọn chiến lược học tập với giới tính**

Kết quả phân tích chỉ ra rằng, những chiến lược được sử dụng thường xuyên nhất cho cả sinh viên nam và sinh viên nữ là nhóm chiến lược đối phó (M=3.42) và nhóm chiến lược được sử dụng ít thường xuyên nhất là nhóm nhận thức (M=3.04). Phép phân tích phương sai một yếu tố được dùng để kiểm tra sự khác biệt giữa giới tính với việc sử dụng chiến lược học tập có mang ý nghĩa thống kê hay không. Kết quả cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa giới tính với việc sử dụng các chiến lược thuộc nhóm ghi nhớ (p< .05). Không có sự khác biệt giữa việc sử dụng các chiến lược học tập với các chiến lược học tập còn lại. Kết quả cũng chỉ ra rằng sinh viên nữ sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn các sinh viên nam ở ba nhóm chiến lược (ghi nhớ, siêu nhận thức, và cảm xúc), trong khi đó sinh viên nam giới sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn ở các nhóm chiến lược đối phó và giao tiếp xã hội. Kết quả này khác biệt với kết quả từ các nghiên cứu trước (Ehrman & Oxford, 1989; Oxford & Nyikos, 1989; Green & Oxford, 1995; Yang, 1993; Goh & Kwah, 1997; Gu, 2002; Hong-Nam & Leavell, 2006; Khamkhien, 2010; Salahshoura, Sharifib, Salahshour, 2013; and Habibollah and Nasser, 2014).. Tuy nhiên kết quả từ nghiên cứu này cũng trùng khớp với các nghiên cứu của Green & Oxford (1995); Mochizuki (1999); Oxford & Nyikos (1989); Peacock & Ho (2003) khi khẳng định rằng sinh viên nữ sử dụng các chiến lược học tập thường xuyên hơn sinh viên nam ở các nhóm kỹ chiến lược ghi nhớ, siêu nhận thức và cảm xúc.

Trong nghiên cứu này các chiến lược ghi nhớ được các sinh viên nữ sử dụng thường xuyên hưn sinh viên nam. Điều này có thể được lý giải rằng sinh viên nữ chăm chỉ hơn và lo lắng hơn về kết quả học tập. Đây cũng có thể coi là một lưu ý đối với giáo viên rằng cần sinh viên nam cần được quan tâm hơn trong việc sử dụng các chiến lược học tập.

* + 1. **Mối quan hệ giữa chiến lược học tập với ngành học.**

Ngành học trong nghên cứu này được hiểu là ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Phép phân tích phương sai được sử dụng để xác định sự khác biệt giữa việc sử dụng chiến lược học tập với sinh viên thuộc ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Theo kết quả của phép phân tích thống kê miêu tả, sinh viên thuộc ngành khoa học xã hội sử dụng nhiều chiến lược thuộc nhóm ghi nhớ, siêu nhận thức và giao tiếp xã hội, trong khi sinh viên thuộc các ngành khoa học tự nhiên sử dụng nhiều chiến lược thuộc nhóm nhận thức, đối phó và cảm xúc. Phép phân tích phương sai cũng chỉ ra có sự khác biệt rõ rệt giữ việc sử dụng các chiến lược học tập với ngành học ở nhóm chiến lược siêu nhận thức.

* + 1. **Mối quan hệ giữa chiến lược học tập với năng lực tiếng Anh.**

Những sinh viên có năng lực ngôn ngữ kém sử dụng nhiều chiến lược thuộc nhms ghi nhớ. Sinh viên có năng lực trung bình sử dụng nhiều chiến lược thuộc nhóm siêu nhận thức, các sinh viên giỏi sử dụng nhiều chiến lược nhận thức, đối phó, cảm xúc và giao tiếp xã hội. Có sự khác biệt rõ rệt giữa năng lực ngôn ngữ với việc sử dụng hai nhóm chiến lược nhận thức và giao tiếp xã hội. Không có sự khác biệt rõ rệt ở các nhóm chiến lược khác.

Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng sinh viên giỏi sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn Oxford and Nyikos (1989), Intraprasert (2000), Wharton (2000), Griffiths (2003), Wu (2008), Anugkakul (2011), Gerami and Baighlou (2011), and Minh (2012). Tuy nhiên các nhiên cứu của Hong-Nam and Leavell (2006) lại chỉ ra rằng các sinh viên trung bình sử dụng nhều chiến lược hơn các sinh viên yếu và giỏi.

Trong nghiên cứu này, các sinh viên trung bình và giỏi sử dụng nhiều chiến lược học tập hơn các sinh viên kém. Lý giải cho điều này, Chamot (1987) cho rằng những người học tập hiệu quả sử dụng các chiến lược một cách phù hợp, trong khi những sinh viên yếu dùng các chiến lược một cách không hiệu quả. Theo Prakongchati (2007) việc sử dụng các chiến lược học tập một cách chủ động giúp người học đạt kết quả tốt.

* + 1. **Mối quan hệ giữa chiến lược học tập và phong cách học tập.**

Phép phân tích phương sai được dùng để tìm hiểu mối quan hệ giữa sự lựa chọn chiến lược học tập và phong cách học tập được ưa thích của sinh viên. Kết quả cho thấy những sinh viên có cách học thông qua thị giác sử dụng ít chiến lược học tập nhất, trong khí đó những sinh viên học thông qua vận động và học theo nhóm sử dụng nhiều chiến lược học tập nhất. Tuy nhiên sự khác biệt là không rõ rệt. Theo những nghiên cứu về người học thành công, những sinh viên này biết cách vận dụng chiến lược học tập phù hợp với phong cách học tập của mình. Trong nghiên cứu này, tác giả không tìm thấy sự khác biệt giữa việc sử dụng chiến lược học tập với phong cách học tập. Kết quat này không giống với kết quả của một số nghiên cứu trước đây, trong đó những sinh viên có cách học bằng thính giác sử dụng nhiều chiến lược hơn những sinh viên có cách học thông qua thị giác.

Tóm lại, kết quả thu được từ nghiên cứu này cho thấy sinh viên người dân tọc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên sử dụng các chiến lược học tập ở mức trung bình. Tuy nhiên, nhóm chiến lược siêu nhận thức được sử dụng nhiều và thường xuyên nhất. nóm chiến lược ghi nhớ và nhận thức được sử dụng ít nhất. Kết quả này giống với một số nghiên cứu được tiến hành ở Châu Á. Tuy nhiên ũng có một số điểm không tương đồng. điều này có thể do sự khác biệt về văn hóa hay tộc người của sinh viên.

**Phần B: Kết quả và thảo luận phần phỏng vấn.**

Kết quả thu được từ phần phỏng vấn bán cấu trúc chỉ ra những tác động của văn hóa nhân học đối với việc sử dụng các chiến lược học tập của sinh viên. Rõ ràng rằng người học từ những nền văn hóa khác nhau, sinh ra và lớn lên ở các môi trường khác nhau sẽ có suy nghĩ khác nhau về việc học tập, họ có những truyền thống khác nhau với những giá trị khác nhau được lưu truyền từ tổ tiên của họ vì vậy những nghiên cứu về văn hóa nhân học là một phần quan trọng trong việc thụ đắc ngôn ngữ thứ 2 nói chung và nghên cứu về chiến lược học tập nói riêng.

Đã có rất nhiều nghiên cứu về sự liên hệ giữa nguồn gốc văn hóa với chiến lược học tập trong vòng nhiều thập kỷ qua như những nghiên cứu của Oxford (1996), Lee (2010), Politzer and McGroarty (1985), O’Malley and Chamot (1990) đều chỉ ra những tác động của nguồn gốc văn hóa với đường hướng học tập của họ.

Sau khi phỏng vấn, tác giả nhận thấy một số nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên như sau;

*Năng lực ngôn ngữ*

Những sinh viên người dân tộc thiểu số tại Đại học Thái Nguyên tin rằng năng lực tiếng Anh có thể có liên quan đến việc sử dụng các chiến lược học tập của họ. Những sinh viên có năng lực tiếng Anh tốt tin rằng họ giỏi hơn những sinh viên khác vì vậy việc học chung với nhưng sinh viên khác không giúp họ được nhiều. Trong khi đó những sinh viên kém thường ưa thích việc học theo nhóm, họ cho rằng việc học chung với những sinh viên khá hơn sẽ giúp họ tận dụng được điểm mạnh từ những sinh viên giỏi. Nững sinh viên kém cho rằng giáo viên cần giúp họ nhiều hơn vì họ chưa tự tin với tiếng Anh của họ. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy rằng năng lực ngôn ngữ có ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập của sinh viên. Những sinh viên khá giỏi thường thích học độc lập, trong khi các sinh viên yếu thường mong muốn học tập theo nhóm. Hơn nữa kết quả phỏng vấn cũng chỉ ra rằng việc học tập theo nhóm hay học độc lập còn phụ thuộc vào loại hoạt động. Những sinh viên khá, giỏi thường thích những hoạt động không cần đánh giá. Đối với các hoạt động có đánh giá, họ không thích các sinh viên yếu hơn dựa vào họ.

*Thể diện*

Sinh viên người dân tộc thiểu số cho rằng họ không muốn những sinh viên khác nhìn thấy sự yếu kém của họ trong lớp vì thế họ thường mong muốn học độc lập. họ sợ mất thể diện trong lớp khi họ mắc lỗi. Với các sinh viên người dân tộc thiểu số, thể diện được xem như nét đặc trưng văn hóa, giá trị con người của họ, vì vậy đôi khi họ không hiểu hết những điều giáo viên giảng họ chọn cách im lặng. Thật xấu hổ khi đặt câu hỏi mà ai cũng biết chỉ có mootjj mình mình không biết. Vì vậy sinh viên người dân tọc thiểu số thường không cởi mở khi học ngoại ngữ.

*Ngành học*

Những sinh viên người dân tộc thiểu số được phỏng vấn trong nghiên cứu này cho rằng cách thức tiếp thu kiến thức ở các môn học khác ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược hcj tập của họ. Ví dụ, họ tin rằng việc học các môn học khoa học tự nhiên giúp họ phát triển khả năng phân tích và tư duy độc lập, trong khi các môn khoa học xã hội thường chọn các chiến lược thuyết trình và xác nhận.

*Môi trường học tập và đường hướng học tập từ bậc học phổ thông.*

Các sinh viên được phỏng vấn cho rằng cách thức học từ bậc phổ thông ảnh hưởng lớn tới họ. Một số sinh viên học tập ở thành thị, có nhiều cơ hội tiếp cận với giáo viên nước ngoài, trong khi ở các trường miền núi, hiếm khi được tiếp xúc với người nước ngoài. Điều đó tạo cho họ các cách thức học tập khác nhau.

*Ảnh hưởng của giáo viên giảng dạy ở bậc phổ thông.*

Nhiều sinh viên cho rằng, cách thức học tập của họ chịu nhiều ảnh hưởng từ giáo viên bậc phổ thông của họ. Đối với những giáo viên có cách dạy linh hoạt sẽ tạo cho họ cách tư duy độc lập và tư duy phân tích. Đối với những giáo viên có cách dạy cứng nhắc, giáo điều tạo cho họ cách học thụ động và sáo mòn.

**PHẦN III: KẾT LUẬN**

**1. Tóm tắt kết quả nghiên cứu**

Đã có nhiều nghiên cứu về chiến lược học ngoại ngữ, điều tra người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL) và tiếng Anh ngữ như một ngoại ngữ (EFL). Kết quả của các nghiên cứu này đã góp phần giúp cho người học hiểu rõ hơn về bản chất, các loại hình và mô hình sử dụng chiến lược nói chung cũng như việc sử dụng chúng trong việc đạt được các kỹ năng ngôn ngữ khác nhau. Mặc dù đã được nghiên cứu sâu rộng trên toàn thế giới, chiến lược học ngoại ngữ được sinh viên dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung và sinh viên dân tộc thiểu số ở Đại học Thái Nguyên sử dụng trong quá trình học ngoại ngữ chưa được nghiên cứu tới. Vì vậy việc cần tìm hiểu và điều tra những chiến lược học tập ngôn ngữ những sinh viên này sử dụng trong quá trình học ngoại ngữ là việc rất cần thiết.

Sinh viên dân tộc thiểu số ở ĐHTN đã sử dụng tất cả 50 chiến lược được đề cập trong bảng câu hỏi điều tra chiến lược học tập (LLSQ) với tần suất trong quá trình học ngôn ngữ. Trong sáu nhóm chiến lược trong bảng câu hỏi điều tra chiến lược học tập (LLSQ), nhóm đối tượng nghiên cứu này sử dụng chiến lược siêu nhận thức thường xuyên hơn các chiến lược khác, tiếp đến là chiến lược đối phó, chiến lược giao tiếp xã hội, chiến lược ghi nhớ và chiến lược cảm xúc. Trong đó chiến lược nhận thức được sử dụng ít nhất.

Kết qủa nghiên cứu cho thấy, chiến lược phổ biến nhất cho cả nam và nữ là chiến lược đối phó; chiến lược ít phổ biến nhất đối với cả hai phái là chiến lược nhận thức. Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng có sự khác biệt đáng kể giữa giới tính và chiến lược ghi nhớ; không có sự chênh lệch nhiều trong việc sử dụng các chiến lược học tập ngôn ngữ giữa sinh viên nam và sinh viên nữ trong các loại chiến lược học tập còn lại; sinh viên nữ sử dụng chiến lược ghi nhớ thường xuyên hơn so với sinh viên nam.

Về lĩnh vực nghiên cứu chính, sinh viên khoa học xã hội sử dụng 3 chiến lược: chiến lược ghi nhớ, chiến lược siêu nhận thức và chiến lược giao tiếp xã hội trong quá trình học ngoại ngữ thường xuyên hơn so với những đối tượng nghiên cứu khác. Trong khi đó, sinh viên khối ngành khoa học tự nhiên thường sử dụng chiến lược nhận thức, chiến lược đối phó và chiến lược cảm xúc. Ngoài ra, có một sự khác biệt rõ rệt trong siêu nhận thức của SILL được sử dụng trong khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Về mức độ thành thạo ngôn ngữ, những sinh viên ở mức độ thấp thường sử dụng chiến lược ghi nhớ nhiều hơn. Những sinh viên ở mức độ cao hơn sử dụng nhiều chiến lược siêu nhận thức. Trong khi đó, những sinh viên có trình độ cao sử dụng chiến lược về nhận thức, chiến lược đối phó, chiến lược cảm xúc và chiến lược giao tiếp xã hội. Hai nhóm chiến lược học ngoại ngữ (LLS) có liên quan đến mức độ sử dụng thành thạo ngoại ngữ của sinh viên bao gồm chiến lược nhận thức, chiến lược giao tiếp xã hội, chiến lược ghi nhớ, chiến lược đối phó; trong đó chiến lược nhận thức không ảnh hưởng đến sự thành thạo ngôn ngữ của sinh viên.

Đối với mối quan hệ giữa phong cách học tập với việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ (LSS), sinh viên theo phong cách học trực quan sử dụng ít chiến lược, trong khi đó sinh viên năng động và làm việc theo nhóm sử dụng nhiều chiến lược học. Tuy nhiên, không có sự khác biệt lớn giữa sáu nhóm phong cách học tập trong việc sử dụng chiến lược tổng thể. Phân tích sâu hơn cho thấy, chiến lược đối phó là chiến lược được sinh viên dân tộc thiểu số tại ĐHTN sử dụng nhiều nhất. Chiến lược nhận thức, chiến lược siêu nhận thức và chiến lược cảm xúc được sử dụng với tần suất trung bình. Ít phổ biến nhất là chiến lược nhận thức. Trong sáu nhóm chiến lược học ngoại ngữ, chỉ có nhóm chiến lược giao tiếp xã hội đạt mức độ rõ rệt (p <0,05). Ngoài ra, không có sự khác biệt giữa sáu nhóm chiến lược học tập được sử dụng.

Mục đích chính của nghiên cứu này là để trả lời câu hỏi nhận thức về nhân học văn hoá của sinh viên dân tộc thiểu số tại ĐHTN có ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học ngôn ngữ của họ hay không. Như đã được trình bày ở trên, ảnh hưởng của văn hoá rất phức tạp và đa dạng. Nghiên cứu này cũng như những nghiên cứu khác về chiến lược học ngoại ngữ đều khẳng định rằng chiến lược siêu nhận thức là chiến lược được sử dụng nhiều hơn cả. Ngoài ra, các dữ liệu định tính thu thập được cho nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng văn hoá, trình độ ngôn ngữ, chuyên ngành, môi trường học tập, kinh nghiệm và phong cách học tập của giáo viên trung học có ảnh hưởng đến sự lựa chọn chiến lược học tập ngoại ngữ của sinh viên.

Kết quả phỏng vấn cũng chỉ ra sự cần thiết trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại Thái Nguyên thông qua kinh nghiệm của những đối tượng được phỏng vấn.

Phần lớn những người tham gia phỏng vấn đều cho rằng tiếng Anh nên được dạy bài bản ở trường và nên tập trung vào việc học giao tiếp bằng tiếng Anh chứ không phải ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp. Bên cạnh đó, thời gian dành cho môn tiếng Anh, việc đào tạo giáo viên để có các giờ học tương tác nhiều hơn, sử dụng giáo cụ trực quan và công nghệ trong dạy học tiếng Anh là việc rất cần thiết.

**2. Hạn chế của nghiên cứu**

Nghiên cứu này còn tồn tại một số hạn chế cần được xem xét. Thứ nhất, đối tượng nghiên cứu đều là sinh viên dân tộc thiểu số tại ĐHTN, do đó cần thận trọng khi tổng hợp các kết quả thu được. Việc tổng quát hóa các phát hiện cho một số dân lớn hơn với các ngôn ngữ bản địa hoặc có nguồn gốc văn hoá khác nhau cò hạn chế. Tuy nhiên, có thể áp dụng một số kết quả cho các tình huống tương tự.

Thứ hai, dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi của cá nhân vì vậy nó phản ánh nhận thức của cá nhân hơn là việc sử dụng các chiến lược học tập trong thực tế của sinh viên. Các nghiên cứu trong tương lai về chiến lược học ngôn ngữ có thể được thu thập từ các nguồn dữ liệu khác, bao gồm các giao thức bằng lời nói và quan sát.

Ngoài những hạn chế này, những phát hiện chung của nghiên cứu phù hợp với các nghiên cứu được thực hiện trong các ngữ cảnh khác cho thấy sinh viên có khuynh hướng sử dụng các chiến lược học ngôn ngữ trong quá trình học ngôn ngữ ở đại học. Vì vậy, có thể xem xét các chiến lược học ngôn ngữ như là một biến số nổi bật cả về mặt lý thuyết và sư phạm.

**3. Gợi ý và kiến nghị**

Trong lĩnh vực nghiên cứu về chiến lược học tập đã có rất nhiều nghiên cứu nổi bật được thực hiện để phân tích mối tương quan giữa việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ với khả năng phát triển ngôn ngữ của người học. Ví dụ, Oxford (1990) đã phát triển chiến lược học ngôn ngữ bao gồm sáu nhóm chính và 50 chiến lược học nói chung. Tuy nhiên, không ai trong số các học giả đã nêu ra câu hỏi về các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ trong bối cảnh học tiếng Anh tại Việt Nam.

Khái niệm nền văn hoá là nền tảng cơ bản khi học ngôn ngữ thứ hai và sự thiếu nhận thức về văn hoá của người học có thể gây nhầm lẫn cho sinh viên, vì sự phát triển của ngôn ngữ phụ thuộc vào cách tiếp cận của giáo viên để phát triển các chương trình học tập hiệu quả nhất cho sinh viên (Ansari, 2012). Hiện nay trong việc dạy tiếng Anh tại Việt Nam, các đặc trưng của văn hoá các dân tộc thiểu số thường bị bỏ qua.

Nghiên cứu này đã chỉ ra ảnh hưởng của văn hoá đối với việc học tiếng Anh trong môi trường nói tiếng Việt. Đối tượng nghiên cứu là sinh viên dân tộc thiểu số đang học tại các trường thành viên của ĐHTN. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên dân tộc thiểu số sử dụng toàn bộ các chiến lược học ngoại ngữ. Trong đó chiến lược siêu nhận thức được sử dụng phổ biến nhất, mặc dù tỷ lệ sử dụng phụ thuộc vào mức độ thành thạo của người học. Nghiên cứu cũng cho thấy người học ở trình độ thấp thường sử dụng chiến lược ghi nhớ. Chiến lược nhận thức, chiến lược đối phó và chiến lược giao tiếp xã hội được sinh viên dân tộc thiểu số sử dụng ở mức độ trung bình.

Những phát hiện này góp phần nghiên cứu lĩnh vực học tập tiếng Anh trong môi trường nói tiếng Việt và sinh viên dân tộc thiểu số ở về việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ. Chiến lược siêu nhận thức có thể được coi là mối quan tâm lớn nhất đối với các học giả và các nhà nghiên cứu khi phát triển chương trình giảng dạy và các chương trình giáo dục. Hơn nữa, nghiên cứu này đã thu hẹp đối tượng học tập tiếng Anh của các sinh viên dân tộc thiểu số tại ĐHTN và việc sử dụng chiến lược học tập của họ. Các nghiên cứu tiếp theo có thể được thực hiện dựa trên kết quả nhận được để tập trung vào việc phân tích các điểm số phụ của việc sử dụng các chiến lược siêu nhận thức trong quá trình học tiếng Anh của sinh viên dân tộc thiểu số. Nghiên cứu hiện tại đã xác định được mối tương quan giữa việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ và khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ và việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ và giới tính của người học, chuyên ngành, mức độ thành thạo và phong cách học tập. Ví dụ, mức độ thành thạo cao liên quan đến việc sử dụng các chiến lược học tập một cách thường xuyên. Hơn nữa, nó khuyến khích việc thực hiện thành thạo các chiến lược, đặc biệt là chiến lược siêu nhận thức.

Ngoài ra, nghiên cứu này đưa ra một số gợi ý cho việc giảng dạy tiếng Anh tại các trường đại học mà nghiên cứu được tiến hành.

Phát hiện sử dụng chiến lược trong nghiên cứu hiện tại cho thấy các sinh viên dân tộc thiểu số tại trường đại học có thể không nhận thức được chiến lược học sẵn có và không áp dụng đầy đủ chiến lược học ngoại ngữ thích hợp. Do đó, điều quan trọng đối với giáo viên tiếng Anh tại ĐHTN là nâng cao nhận thức của sinh viên trong việc lựa chọn chiến lược học ngoại ngữ phù hợp. Nhận thức kết quả và mở rộng việc sử dụng chiến lược có thể cải thiện động lực của sinh viên vì vậy giúp họ trở nên tự tin hơn và thành công trong việc học ngôn ngữ. Điều quan trọng là khuyến khích sinh viên tìm cách vượt qua khó khăn của việc học ngoại ngữ và sử dụng ngoại ngữ trong môi trường học tập, bao gồm việc tìm kiếm và giao tiếp với người bản ngữ trực tuyến, tham gia vào các danh sách gửi thư tiếng Anh về các chủ đề quan tâm cho sinh viên và các hoạt động tương tự khác.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ**

**LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN**

1. Dung, L. Q. (2017). The Relationship between Language Learning Strategies and Learning Styles of Ethnic students at Thai Nguyen University, Vietnam. *International Journal of Scientific and Research Publications, 2017*, Volume 7, Issue 8. <http://www.ijsrp.org>.
2. Dung, L. Q (2016). Factors Affecting Language Learning Strategy uses: An overview. *TNU Journal of Science and Technology. 152(07/2), 171-177.*
3. Dung, L. Q. (2011). Teaching and Learning English at Primary Schools – Challenges and Solutions. *TNU Journal of Science and Technology. 84(08), 129-132.*
4. Dung, L. Q. (2009). Content-based Approach to Teaching English as a Subject to University Students - A solution to improving the quality of English Learning for Non-major students of English. *TNU Journal of Science and Technology. 54(06), 25-28.*